

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký pH tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 46/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Thôn Vũ Hải Đường, xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tăng C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Tăng C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã P, huyện C1. Việc kết hôn giữa chị H và anh C không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Chị H, anh C được hai bên

gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị H, anh C sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện C1. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh C ghen tuông, bất đồng quan điểm sống, đến mừng 3 tết âm lịch năm 2022 chị H đã về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại thôn Vũ Hải Đường, xã P, huyện C1, chị H và anh C đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, chị H xin ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị H và anh C có một con chung là Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 31/10/2006. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh C không có vay nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Tăng C đến để giải quyết việc chị Chu Thị H đề nghị ly hôn nhưng anh C đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Thị H. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh C vẫn có địa chỉ tại thôn Đ, xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Ngàn (mẹ đẻ của anh C) thì chị H và anh C có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị H, anh C sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện C1, cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do nghi ngờ chị H ngoại tình, nên vợ chồng cãi nhau. Từ đầu năm 2022 chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh C. Quá trình chung sống chị H và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 2006, hiện nay cháu L đang sống tại thôn Đ, xã P. Hiện nay anh C đang đi làm ăn tại thành phố Hải Phòng nên không có mặt ở nhà, bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án gửi cho anh C và bà đã báo cho anh C biết, nhưng do điều kiện công việc, anh C không đến tòa án để giải quyết việc ly hôn theo đề nghị của chị H được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Chu Thị H; cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tăng C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 31/10/2006 cho chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tăng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh C không có vay nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Chu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại pH tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Chu Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Tăng C; anh Nguyễn Tăng C có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Nguyễn Tăng C có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Anh C đi làm ăn xa tại thành phố Hải Phòng, nhưng không thông báo địa chỉ mới nên không rõ địa chỉ cụ thể của anh C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh C đã thông báo cho anh C nhưng anh C vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C1 đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Tăng C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa. Chị Chu Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C1 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2005 tại UBND xã P, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà Nguyễn Thị Ngân và kết quả xác minh tại thôn Đ, xã P, huyện C1 cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, đầu năm 2022 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh C thực tế đã không tồn tại từ đầu năm 2022 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Tăng C.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 31/10/2006. Xét thấy hiện anh Nguyễn Tăng C không có địa chỉ cư trú rõ ràng, không có ý kiến về việc nuôi con, cháu L có nguyện vọng được ở với chị H, nên cần giao cháu Nguyễn Thị Nhật L cho chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Anh Nguyễn Tăng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh C không có vay nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án chị Chu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Chu Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tăng C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 31/10/2006 cho chị Chu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tăng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Chu Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0006140 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, nay được chuyển thành tiền án phí.

Anh Nguyễn Tăng C không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Tăng C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C1;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện C1;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

